

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 11 - 2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sanh

2. Ông Ngô Bá Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L - Sinh năm: 1987. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Lê Công Đ – Sinh năm: 1983. Có mặt.

Cùng trú tại: Số 80, đường M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2005 tại Ủy ban Nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Theo bà L, ông Đ thường xuyên uống rượu, cờ bạc và bỏ bê, không lo làm ăn, bà khuyên bảo thì ông Đ lại đánh đập bà, năm 2015 ông Đ lấy đồ đạc trong gia đình bỏ nhà đi theo bạn của ông Đ, bà đã viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ, nhưng gia đình bên chồng và cha mẹ bà khuyên can nên bà không nộp

đơn. Nhưng ông Đ vẫn không thay đổi, đến năm 2018 ông Đ tiếp tục bỏ nhà đi 3 tháng và đã lấy xe máy đem đi cầm để đánh bài, không quan tâm gì đến bà và các con, bà thật sự không còn yêu thương gì ông Đ nữa, tình cảm vợ chồng không còn, ông Đ không có trách nhiệm gì với gia đình, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

** Về con chung:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ có hai con chung tên là Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 và Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006.

Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con hai con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

** Về tài sản chung:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Trong bản khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Công Đ trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Công Đ thống nhất với lời trình bày của bà L về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và về nơi sống sau khi kết hôn.

Ông thừa nhận vợ chồng có cãi vã, ông có đánh vợ do bà L làm đơn ly hôn với ông, nay ông đã thấy được những sai lầm của bản thân, ông hứa sẽ sửa chữa, thay đổi bản thân, tu chí cùng bà L làm ăn, ông mong bà L cho ông thêm cơ hội và thật sự ông vẫn còn yêu thương bà L nên ông muốn gia đình được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

** Về quan hệ con chung:* Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị L có hai con chung tên là Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 và Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006.

Ông muốn gia đình đoàn tụ nên vấn đề con chung không đặt vấn đề giải quyết.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông, ông có nguyện vọng cùng với bà Nội được trực tiếp nuôi dưỡng con hai con chung, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa án giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

** Về tài sản chung:* Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Ông Lê Công Đ và bà Lê Thị L không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Công Đ hiện có nơi cư trú tại số 80 đường M, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vÒ viÖc ly h«n ®èi vớì ông Lê Công Đ HÐXX thấy:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2005 tại Ủy ban Nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà Lê ông Đ thường xuyên uống rượu, cờ bạc và bỏ bịch không lo làm ăn, bà khuyên bảo thì ông Đ lại đánh đập bà, bà đã từng viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ nhưng gia đình bên chồng và cha mẹ bà khuyên can nên bà không nộp đơn, sau đó ông Đ vẫn không thay đổi gì đến năm 2018 ông Đ tiếp tục lấy xe máy đi cầm và bỏ nhà đi 3 tháng, nay bà không còn yêu thương gì ông Đ nữa, tình cảm vợ chồng không còn.

Về phía ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng có cãi vã, ông có đánh vợ do bà L làm đơn ly hôn với ông, nay ông đã thấy được những sai lầm của bản thân, ông mong bà L cho ông cơ hội nữa và thật sự ông vẫn còn yêu thương bà L nên ông muốn gia đình được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Qua xác minh tại địa phương thì địa phương thì mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ chính quyền địa phương không nắm được.

Xét thấy ông Đ muốn gia đình được đoàn tụ nhưng ông không sửa chữa sai lầm và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách hơn, bà L và ông Đ hiện sống chung một nhà nhưng bà không quan tâm gì đến ông Đ, việc ai người đó làm, bà L đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông Đ nhưng ông Đ đã không cùng với bà L khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Do vậy HÐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Lê Công Đ là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ có hai con chung tên là Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 và Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006.

Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Công H và Lê Công H cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ cũng có nguyện vọng cùng với mẹ của ông được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy hiện nay con chung đang sống cùng với bà L, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con chung, đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, bản thân ông Đ không có việc làm ổn định. Do vậy, HĐXX thấy việc giao hai con chung cho L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lê Công Đ mỗi tháng là 3.000.000đ, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy việc giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và công nhận cấp dưỡng nuôi con của ông Đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

** Về tài sản chung:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng ông Lê Công Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào 1 Điều 56, Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn của bà Lê Thị L đối với ông Lê Công Đ

Xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Công Đ

- *Về quan hệ con chung*: Giao hai con chung tên là Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 và Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 cho bà Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lê Công Đ mỗi tháng là 3.000.000đ, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- *Quan hệ tài sản chung*: Bà L và ông Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Bà L và ông Đ không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Lê Thị L đối với ông Lê Công Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Công Đ.

2. Quan hệ con chung: Xử lý Giao hai con chung tên là Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 và Lê Công H – Sinh ngày: 19/7/2006 cho bà Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Công nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ của ông Lê Công Đ. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật

dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quan hệ tài sản chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Công Đ không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 3740 ngày 07/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án phí cấp dưỡng là 300.000đ ông Lê Công Đ phải chịu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân
quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường T
Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

